TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST
Ngày: 26/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy
2. Ông Nguyễn Đắc Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tiền - Kiểm Sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 07, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; Nhân thân: Ngày 01/12/2020 bị Công an thành phố C khởi tố về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", chưa được xét xử; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2020 – Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đại N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 1, phường D, thành phố C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Huy Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 14, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là giáo viên của trường Tiểu học Lê Đình C thuộc xã A, huyện B từ năm 2010, đến ngày 16/9/2020 thì thôi việc. Ngoài giờ làm công tác giảng dạy tại trường T còn làm thêm công việc chạy xe dịch vụ chở khách. Từ tháng 4/2020 dựa trên mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn N, T đã nhiều lần thuê xe ô tô của anh N để vận chuyển hành khách. Ngày 21/7/2020 T đến nhà anh N để lập hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02 của anh N để chở khách đi tỉnh Đắk Lắk trong thời hạn 03 ngày. Anh N giao xe ô tô cùng giấy tờ xe gồm giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS cho T. Sau khi chở khách về do khách chưa thanh toán tiền xe, không có tiền tiêu xài nên ngày 24/7/2020 T mang giấy tờ xe ô tô của anh N và bằng lái xe hạng A1 của T đến tiệm cầm đồ Đ Thắm cầm cố giấy tờ cho chủ tiệm là anh Phan Huy Đ lấy 3.000.000 đồng. Ngày 25/7/2020 T điều khiển xe ô tô đến nhà anh N tiếp tục thỏa thuận thuê xe từ ngày 25/7/2020 đến ngày 06/8/2020 để chở khách đi tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thuê xe T điều khiển xe về nhà tập thể của trường Tiểu học Lê Đình C. Lúc này anh Trần Quang T gọi điện yêu cầu T trả khoản nợ mà T đã vay của anh T. Để có tiền trả nợ, khoảng 11 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô trên đến tiệm cầm đồ Đ Thắm nói đây là xe ô tô T mua lại, nhưng chưa sang tên, cầm cố cho anh Đ lấy số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. T trả cho anh Đ 3.000.000 đồng số tiền trước đó T cầm cố giấy tờ, còn giấy tờ xe anh Đ giữ lại kèm theo hợp đồng cầm cố xe ô tô. Số tiền còn lại T trả cho anh Phan Tuấn A 15.000.000 đồng, trả cho anh Nghĩa 4.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe ô tô, trả cho anh T 8.000.000 đồng.

Vài ngày sau khi kí kết hợp đồng thuê xe ô tô, anh N kiểm tra dữ liệu thiết bị định vị thì phát hiện chiếc xe không di chuyển mà chỉ đậu tại một chỗ. Qua tìm hiểu anh N biết được T đã cầm cố chiếc xe tại tiệm cầm đồ Đ nên gọi điện yêu cầu T chuộc xe trả lại cho anh Nghĩa. T cam kết sẽ chuộc lại xe trả cho anh N nhưng sau đó T không có khả năng chuộc lại xe như đã cam kết nên bỏ trốn đi tỉnh Gia Lai. Do đó, anh N và anh Đ tố giác hành vi của T đến Công an huyện Đắk R'lấp.

Quá trình điều tra Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KLHDĐG ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02, năm sản xuất 2016, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 464.750.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 19-02-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện

Đăk R'Lấp để xét xử Trần Văn T về tội:*"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội :*"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội :*"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".*

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù giam.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 37 ngày 25/9/2020 trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02; giấy chứng nhận kiểm định số 0035635; giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 053344; giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 1415294 là tài sản của anh Nguyễn Nlà chủ sở hữu tài sản hợp pháp.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 08/02/2021trả giấy phép lái xe hạng A1 số 670188000015 cho bị cáo Trần Văn T.

- Đối với hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê xe ô tô hiện lưu trong hồ sơ vụ án lưu giữ theo hồ sơ.

Tại phiên toà bị cáo Trần Văn T không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, bị cáo Trần Văn T, sau khi thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02 của anh Nguyễn N để chạy xe dịch vụ chở khách đi tỉnh Đắk Lăk, sau khi chở khách về do khách chưa thanh toán tiền xe, không có tiền tiêu xài nên ngày 24/7/2020, bị cáo T đã mang giấy tờ xe ô tô 47A-292.02 và bằng lái xe A1 của bị cáo T đến tiệm cầm đồ Đ do anh Phan Huy Đ làm chủ tại xã D, huyện B để cầm lấy 3.000.000đồng, đến ngày 25/7/2020 bị cáo T đã điều khiển xe ô tô đến nhà anh N để tiếp tục thuê xe từ ngày 25/7/2020 đến ngày 06/8/2020 để chở khách đi Hà Tĩnh. Do không có tiền trả nợ nên T tiếp tục điều khiển xe ô tô đến tiệm cầm đồ Đ để cầm với giá 30.000.000 đồng. Sau đó, không có khả năng chuộc xe trả lại cho anh N nên bị cáo T bỏ trố đi Gia Lai hơn 02 tháng, hết thời hạn thuê xe bị cáo vẫn không trả lại xe như trong hợp đồng với anh Nghĩa.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KLHDĐG ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02, năm sản xuất 2016, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 464.750.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản",* tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

*"**Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

..."

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái phép nào cùng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3]. *Tình tiết định khung hình phạt:* Do bị cáo đã chiếm đoạt tài sản có giá trị 464.750.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự

[4]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. *Việc trách nhiệm dân sự:* Bị hại anh Nguyễn N đã nhận lại tài sản; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Huy Đ đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. *Việc xử lý vật chứng*:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 37 ngày 25/9/2020 trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02; giấy chứng nhận kiểm định số 0035635; giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 053344; giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 1415294 của anh Nguyễn N là chủ sở hữu tài sản hợp pháp; Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 08/02/2021trả giấy phép lái xe hạng A1 số 670188000015 cho bị cáo Trần Văn T là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê xe ô tô ngày 25/7/2020 là tài liệu kèm theo vụ án, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ, không tiêu hủy.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị chỉ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phan Huy Đ là chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là "*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*" và đề nghị hình phạt là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Điều 51 của Bộ luật hình sự và xử mức hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi anh Phan Huy Đ cầm cố chiếc xe 47A-292.02 nhưng không biết xe bị cáo T thuê của anh Nghĩa nên hành vi của anh Đ không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/10/2020.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp ra quyết định xử lý vật chứng số 37 ngày 25/9/2020 trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại INNOVA, màu sơn bạc, BKS 47A-292.02; giấy chứng nhận kiểm định số 0035635; giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 053344; giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 1415294 cho anh Nguyễn N là chủ sở hữu tài sản hợp pháp; Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 08/02/2021 trả giấy phép lái xe hạng A1 số 670188000015 cho bị cáo Trần Văn T.

Lưu Hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê xe ô tô ngày 25/7/2020 theo hồ sơ vụ án(Bản gốc).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông (PV 06);
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CA huyện Đắk R'Lấp;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS,VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh